

Trường Đại học Kinh tế
Khoa Tài chính-Ngân hàng
Bộ môn Kế toán-Kiểm toán

NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

Thông tin giảng viên:
Nguyễn Thị Hương Liên (TS Kinh tế)
Tel: 0988-797-510
Email: liennth@vnu.edu.vn

CHƯƠNG IV

TÍNH GIÁ CÁC ĐỐI TƯỢNG KẾ TOÁN

4.1 SỰ CẦN THIẾT PHẢI TÍNH GIÁ CÁC ĐỐI TƯỢNG KẾ TOÁN

- ❖ Khái niệm:
 - Tính giá là một phương pháp kế toán sử dụng đơn vị tiền tệ nhằm quy đổi tất cả các đối tượng kế toán về thước đo chung, thước đo giá trị.
- ❖ Sự cần thiết phải tính giá:
 - Đối tượng kế toán là tài sản, số lượng tài sản của DN rất nhiều và đa dạng, trong đó phần lớn các tài sản (nguyên vật liệu, hàng hóa, thành phẩm, tài sản cố định,...) tồn tại dưới hình thái hiện vật. Để đảm bảo vai trò chủ yếu của thước đo giá trị, cần thiết phải quy đổi các đối tượng kế toán về thước đo giá trị thông qua tính giá.

4.1 SỰ CẦN THIẾT PHẢI TÍNH GIÁ (Cont.)

- ❖ Ý nghĩa của việc tính giá:
 - Tính giá tạo điều kiện cho việc xác định các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp. Thông qua tính giá, các yếu tố chi phí đầu vào mới được phản ánh dưới dạng tiền tệ, giúp xác định giá thành sản phẩm, so sánh với giá trị đầu ra (giá bán) để xác định kết quả kinh doanh.

4.2 CÁC NGUYÊN TẮC LIÊN QUAN

4.2.1 Nguyên tắc giá gốc

4.2.2 Nguyên tắc hoạt động liên tục

4.2.3 Nguyên tắc thận trọng

4.2.4 Nguyên tắc trọng yếu

4.2.5 Nguyên tắc nhất quán

4.2.6 Nguyên tắc phù hợp

➤ **06 nguyên tắc trên đã được trình bày ở “Chương I - Đối tượng, phương pháp và các nguyên tắc kế toán”**

4.2.7 Nguyên tắc khách quan

- Việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phải khách quan (không thiên vị) theo đúng sự việc thực tế diễn ra và có thể kiểm chứng lại được (có hóa đơn, chứng từ hợp lý, hợp lệ)

4.3 TÍNH GIÁ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG CHỦ YẾU

4.3.1 Tính giá các tài sản lưu động

❖ Nguyên vật liệu (NVL):

➤ Phương pháp tính giá nhập kho:

Giá nhập kho = Giá mua + Chi phí trước khi nhập kho

- Giá mua: là giá ghi trên Hóa đơn (hoặc giá mua thực tế)
- Chi phí trước khi nhập kho: chi phí vận chuyển, bốc xếp, thuế nhập khẩu (nếu có),...

➤ Phương pháp tính giá xuất kho:

- Theo giá hạch toán: ít sử dụng
- Theo giá thực tế: có 04 phương pháp chủ yếu sau:

4.3 TÍNH GIÁ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG CHỦ YẾU (Cont.)

1. Phương pháp thực tế đích danh: áp dụng đối với DN sử dụng ít loại NVL, ổn định và nhận diện được.
2. Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO): NVL mua trước sẽ được xuất trước, NVL tồn cuối kỳ là NVL được mua gần thời điểm cuối kỳ, áp dụng trong trường hợp giá NVL trên thị trường không có nhiều biến động lớn.
3. Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO): áp dụng trong trường hợp giá NVL trên thị trường thường xuyên biến động.

4.3 TÍNH GIÁ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG CHỦ YẾU (Cont.)

4. Phương pháp thực tế bình quân gia quyền: tính theo giá trị trung bình của từng loại NVL tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ. Giá trị trung bình được tính cho từng thời kỳ hoặc sau khi nhập 01 lô NVL về, tùy tình hình DN.
- ❖ Ví dụ minh họa các phương pháp tính giá: trang 224-226, Giáo trình “NLKT (Lý thuyết và Bài tập)”, TS Phan Đức Dũng.

4.3 TÍNH GIÁ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG CHỦ YẾU (Cont.)

4.3.2 Tính giá các tài sản cố định

- ❖ Theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009, có hiệu lực từ 01/01/2010 (thay thế Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003), TSCĐ phải thỏa mãn đồng thời 03 tiêu chuẩn sau:
 - 1) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó.
 - 2) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên.
 - 3) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 10.000.000 đồng trở lên.

4.3 TÍNH GIÁ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG CHỦ YẾU (Cont.)

❖ Nguyên tắc đánh giá:

$\text{Giá trị còn lại} = \text{Nguyên giá} - \text{Giá trị hao mòn}$

- Nguyên giá: gồm giá mua (trên Hợp đồng kinh tế, Hóa đơn) và các chi phí trước khi đưa vào sử dụng (chi phí lắp đặt, chạy thử)
- Giá trị hao mòn: là số tiền khấu hao được trích tính vào chi phí liên quan.

❖ Ví dụ minh họa cách xác định nguyên giá TSCĐ: trang 212, Giáo trình “NLKT(Lý thuyết và Bài tập)”, TS Phan Đức Dũng.

4.3 TÍNH GIÁ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG CHỦ YẾU (Cont.)

- ❖ Khấu hao TSCĐ: là chuyển dần giá trị hao mòn TSCĐ vào các chi phí có liên quan.
- ❖ Nguyên tắc khấu hao TSCĐ:
Theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC có 09 nguyên tắc, trong đó quy định “Việc trích hoặc thôi trích khấu hao TSCĐ được thực hiện bắt đầu từ ngày (theo số ngày của tháng) mà TSCĐ tăng hoặc giảm”
- ❖ Các phương pháp trích khấu hao TSCĐ: có 03 phương pháp chủ yếu sau:

4.3 TÍNH GIÁ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG CHỦ YẾU (Cont.)

1) Phương pháp khấu hao đường thẳng

Mức trích KH năm = Nguyên giá TSCĐ/Thời gian sử dụng

- Thời gian sử dụng được quy định tại Phụ lục I, Thông tư số 203/2009 /TT-BTC
- Doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả kinh tế cao được khấu hao nhanh nhưng tối đa không quá 2 lần mức khấu hao xác định theo phương pháp đường thẳng để nhanh chóng đổi mới công nghệ. Khi thực hiện trích khấu hao nhanh, doanh nghiệp phải đảm bảo kinh doanh có lãi.
- ❖ Ví dụ minh họa: trang 215-218, Giáo trình NLKT(Lý thuyết và Bài tập)

4.3 TÍNH GIÁ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG CHỦ YẾU (Cont.)

- 2) Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh
- áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực có công nghệ đòi hỏi phải thay đổi, phát triển nhanh.

Mức trích KH năm = **Giá trị còn lại của TSCĐ * Tỷ lệ KH nhanh**

Tỷ lệ KH nhanh = Tỷ lệ KH theo pp đường thẳng * Hệ số ĐC

Mức trích KH các năm cuối = Giá trị còn lại của TSCĐ/số năm sử dụng còn lại

- Chi tiết Bảng Hệ số điều chỉnh xem trang 219, Giáo trình “NLKT, Lý thuyết và Bài tập”
- Ví dụ minh họa: trang 219-230 cuốn “NLKT, Lý thuyết và Bài tập)”

4.3 TÍNH GIÁ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG CHỦ YẾU (Cont.)

- 3) Phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm
- Căn cứ hồ sơ kinh tế - kỹ thuật của TSCĐ, DN xác định sản lượng theo công suất thiết kế.

Mức trích KH năm = Sản lượng SX trong năm* Mức trích KH BQ 01 đơn vị SP

Mức trích KH BQ 01 đơn vị SP = Nguyên giá TSCĐ/Sản lượng theo công suất thiết kế

- ❖ Ví dụ minh họa: trang 221- 223, Giáo trình NLKT, Lý thuyết và Bài tập.

4.3 TÍNH GIÁ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG CHỦ YẾU (Cont.)

4.3.3 Lương và các khoản tính theo lương

- Tiền lương là một yếu tố chi phí SXKD cấu thành nên giá thành SP hàng hóa, dịch vụ.
- Theo Luật BHXH năm 2006 và các quy định liên quan, các khoản trích theo lương **áp dụng giai đoạn từ 2010 đến 2011** như sau:
 - 1) BHXH: 22% (16% tính vào chi phí, 6% trừ lương CBCNV)
 - 2) BHYT: 4,5% (3% tính vào chi phí; 1,5% trừ lương CBCNV)
 - 3) BHTN: 2% (1% tính vào chi phí, 1% trừ lương CBCNV)
 - 4) KPCĐ: 2% (2% tính hết vào chi phí)

Tổng trích: 30,5% (22% tính vào chi phí; 8,5% trừ lương CBCNV)